TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:90/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 02 - 2026
Về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm và ông Nguyễn Văn Sanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Như T – sinh năm 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD: 048182002***, cấp ngày 17.6.2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Nơi thường trú: K318/H**/* Núi Thành, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phạm Trọng N – sinh năm 1982. (vắng mặt)

Số CCCD: 048082007***.

Nơi thường trú: Phòng ***, Nhà F, Chung cư ** Nam Cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Như T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Như T và ông Nguyễn Phạm Trọng Na tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ

chồng nảy sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, đỉnh điểm vào tháng 02/2025 vợ chồng có xảy ra xô xát, ông N có hành vi hành hung bà T và được chính quyền địa phương can thiệp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2025 đến nay. Bà Trương Thị Như T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên bà Trương Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Trọng N.

- Về con chung: Bà Trương Thị Như T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trương Minh T1 (sinh ngày 11.5.2013) và Nguyễn Trương Minh T2 (sinh ngày 29.4.2017). Bà Trương Thị Như T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Phạm Trọng N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Như T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị Như T xác định vợ chồng không nợ gì ai.

Vì bận công tác đột xuất, không thể tham gia tố tụng nên bà Trương Thị Như T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Phạm Trọng N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Trương Thị Như T và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N đã được triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Trương Thị Như T và ông Nguyễn Phạm Trọng N là trầm trọng, việc chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Như T đối với ông Nguyễn Phạm Trọng N. Giao 02 con chung tên là Nguyễn Trương Minh T1 (sinh ngày 11.5.2013) và Nguyễn Trương Minh T2 (sinh ngày 29.4.2017) cho bà Trương Thị Như T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Ông Nguyễn Phạm Trọng N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Trương Thị Như T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Như T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N. Đây là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N có nơi cư trú tại phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và mục 6 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27.6.2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Như T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Bà Trương Thị Như T và ông Nguyễn Phạm Trọng N tự nguyện kết hôn vào năm 2013; Giấy chứng nhận kết hôn số: 131, quyển số I/2012, đăng ký ngày 26.7.2013 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Như T: Bà Trương Thị Như T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tính cách cũng như quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến xô xát, không thể hàn gắn và sống ly thân mỗi người một nơi. Về phía ông Nguyễn Phạm Trọng N, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc bà Trương Thị Như T xin ly hôn cũng như thông báo về các phiên họp và hòa giải nhưng ông Nguyễn Phạm Trọng N không có ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Điều đó chứng tỏ ông Nguyễn Phạm Trọng N cũng không có thiện chí và mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị Như T và ông Nguyễn Phạm Trọng N là trầm trọng, đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Trương Thị Như T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Trọng N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Trương Thị Như T và ông Nguyễn Phạm Trọng N có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Trương Minh T1 (sinh ngày 11.5.2013) và Nguyễn Trương Minh T2(sinh ngày 29.4.2017). Bà Trương Thị Như T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông Nguyễn Phạm

Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà Trương Thị Như T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Phạm Trọng N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Như T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Như T xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trương Thị Như T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* của bà Trương Thị Như T đối với ông Nguyễn Phạm Trọng N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Như T được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Trọng N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Trương Minh T1 (sinh ngày 11.5.2013) và Nguyễn Trương Minh T2 (sinh ngày 29.4.2017) cho bà Trương Thị Như T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Phạm Trọng N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Như T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị Như T xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trương Thị Như Thủy phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002847 ngày 06.10.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị Như T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trương Thị Như T và bị đơn ông Nguyễn Phạm Trọng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 1 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu (GCN kết hôn số 131/2013, ngày 26.7.2013 của UBND P. Hòa Cường Bắc cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Anh Đào